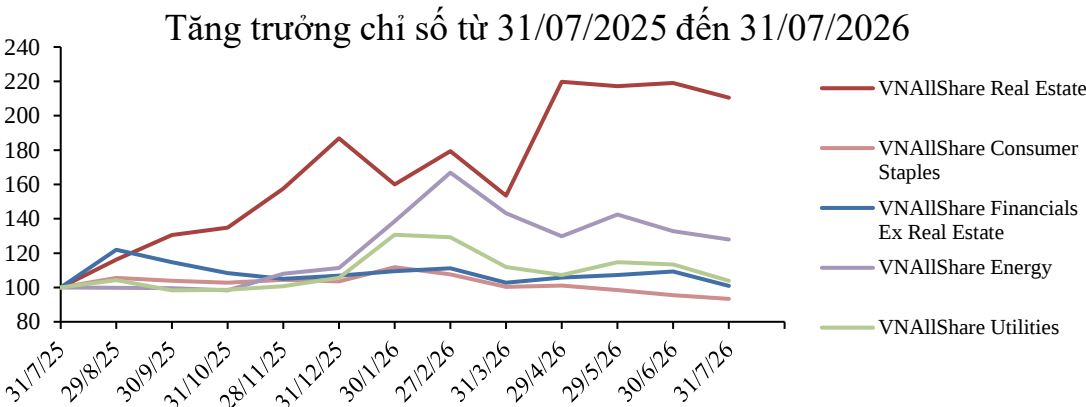


# Bộ chỉ số ngành VNAllshare Sector

Ngày cập nhật: 31/07/2026

Bộ chỉ số ngành VNAllshare Sector bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

## Top-5 ngành tăng trưởng tốt nhất trong 12 tháng qua



\* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 điểm vào ngày 31/07/2025

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 25/01/2016

Giá trị cơ sở: 533.49

Hình thức tính:

Chỉ số giá

Tần suất tính:

Theo thời gian thực (1 phút/ lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:

Không áp dụng

Phương pháp tính:

Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

## Tăng trưởng chỉ số

| Chỉ số ngành                      | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 1 năm   |
|-----------------------------------|---------|---------|---------|---------|
| VNAllShare Energy                 | -3.64%  | -1.47%  | -7.72%  | 27.94%  |
| VNAllShare Materials              | -7.04%  | -14.35% | -14.57% | -14.36% |
| VNAllShare Industrials            | -13.10% | -15.61% | -14.14% | -14.62% |
| VNAllShare Consumer Discretionary | -16.67% | -21.75% | -30.44% | -8.38%  |
| VNAllShare Consumer Staples       | -2.24%  | -7.61%  | -16.51% | -6.66%  |
| VNAllShare Health Care            | -7.56%  | -15.56% | -25.79% | -19.11% |
| VNAllShare Financials             | -7.80%  | -4.62%  | -7.88%  | 0.84%   |
| VNAllShare Real Estate            | -3.90%  | -4.19%  | 31.62%  | 110.54% |
| VNAllShare Utilities              | -8.47%  | -3.17%  | -20.53% | 3.84%   |
| VNAllShare Information Technology | -4.86%  | -11.42% | -35.34% | -34.67% |

## Đặc điểm chỉ số

|                                                    | Năng lượng | Nguyên vật liệu | Công nghiệp | Hàng tiêu dùng | Hàng tiêu dùng thiết yếu | Chăm sóc sức khỏe | Tài chính | Bất động sản | Dịch vụ tiện ích | Công nghệ thông tin |
|----------------------------------------------------|------------|-----------------|-------------|----------------|--------------------------|-------------------|-----------|--------------|------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu thành phần                       | 10         | 44              | 77          | 31             | 25                       | 6                 | 42        | 44           | 13               | 5                   |
| Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)                          | 199,955    | 390,869         | 421,652     | 315,292        | 386,263                  | 16,544            | 2,770,331 | 2,569,830    | 240,605          | 130,223             |
| Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng) | 28,990     | 147,772         | 213,301     | 138,934        | 169,561                  | 9,850             | 1,281,444 | 911,515      | 26,371           | 105,606             |
| Tỷ trọng trong VNAllshare (%)                      | 0.96%      | 4.87%           | 7.03%       | 4.58%          | 5.59%                    | 0.32%             | 42.23%    | 30.04%       | 0.87%            | 3.48%               |

### Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ thông qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

